

Bản án số: 07/2018/DS-ST

Ngày 27/7/2018

“*V/v Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Láng

2. Ông Lê Trọng Kỳ

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà YHLam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2017/TLST-DS ngày 20/12/2017 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách xã hội; địa chỉ cư trú: Tòa nhà CC5 bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T - Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ủy quyền lại cho ông Nguyễn Xuân N - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai, theo giấy ủy quyền số 11/NHCS-GUQ ngày 08/3/2018. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim T, sinh năm: 1977; địa chỉ cư trú: Thôn C, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 20/12/2017, đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng chính sách xã hội bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà Trần Thị Kim T có vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Hội phụ nữ xã C, vay vốn chương trình hỗ trợ người nghèo với số tiền là 20.000.000 đồng, mục đích vay vốn là chăn nuôi bò sinh sản, mã món vay số 6000004200116554, lãi suất vay 0,65%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 04/4/2016. Nợ lãi đến ngày 20/12/2017 là 4.864.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 24.864.000 đồng. Đến nay bà T chưa trả nợ gốc và lãi nên yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Xuân N - Phó giám đốc, đề nghị bà Trần Thị Kim T phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai toàn bộ số nợ gốc là 20.000.000 đồng và nợ lãi đến ngày xét xử là 5.013.720 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Trần Thị Kim T nhưng bà T không đến tòa tham gia tố tụng nên không có lời khai của bà T trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/4/2018 các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Đơn khởi kiện ngày 20/12/2017; 01 Bản tự khai ngày 20/12/2017 của bà Nguyễn Thị Thanh T; 01 Đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí; 01 Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 1792/QĐ-NHCS ngày 09/6/2015; 01 bản sao Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ số 511/QĐ-NHCS ngày 14/11/2016; 01 bản sao Sổ vay vốn, mã KH: 058200; 01 Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay; 01 Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - Thu nợ - Dư nợ; 01 Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Thị Thanh T; 01 Giấy ủy quyền số 11/NHCS-GUQ ngày 08/3/2018; 01 Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Xuân N; 01 Đơn đề nghị Tòa án hỗ trợ tổng đạt tài liệu, chứng cứ ngày 08/3/2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Kim T không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không hòa giải được và tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ý kiến của kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 467; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội. Buộc bà Trần Thị Kim T phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội toàn bộ số tiền đã vay và lãi suất tiền vay, thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai

Về án phí: Buộc bà Trần Thị Kim T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Chính sách xã hội có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc bà Trần Thị Kim T trả toàn bộ khoản nợ vay cùng với lãi suất. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai .

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập bà Trần Thị Kim T tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng bà T không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó Tòa án tiến hành theo quy định tại Khoản 3 Điều 173 và Điều 179, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

2. Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa và các chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Bà Trần Thị Kim T có vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Hội phụ nữ xã C vay vốn chương trình hỗ trợ người nghèo với số tiền là 20.000.000 đồng, mục đích vay vốn là chăn nuôi bò sinh sản, lãi suất vay 0,65%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 04/4/2016. Nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.013.720 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 25.013.720 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm mười ba nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Xét về hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nhưng đang thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của bộ luật này nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp. Hợp đồng giữa Ngân hàng Chính sách xã hội và bà Trần Thị Kim T thông qua giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, có thỏa thuận kỳ hạn trả nợ, thỏa thuận lãi và thỏa thuận về mục đích sử dụng vốn vay, nhưng sau khi nhận đủ số tiền vay 20.000.000 đồng và đến hạn trả nợ như các bên đã thỏa thuận là ngày 04/4/2016 bà T không trả nợ gốc và lãi nên Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T trả toàn bộ số tiền vay và lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 467 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên buộc bà Trần Thị Kim T phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai toàn bộ số nợ gốc là 20.000.000 đồng, cộng với tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.013.720 đồng. Tổng số tiền mà bà T phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội là 25.013.720 đồng.

3. Về án phí: Ngân hàng chính sách xã hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 467; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội. Buộc bà Trần Thị Kim T phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi suất là 25.013.720 đồng (hai mươi lăm triệu không trăm mười ba nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Việc tính lãi và lãi suất quá hạn đối với các khoản vay của các tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết, kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Buộc bà Trần Thị Kim T phải nộp 1.250.686 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 27/7/2018. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi bị đơn cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Ngọc Bình

